TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hoàn;
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 477/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ Đ, sinh năm 1991, (có mặt);
Địa chỉ: Số 494, ấp 1, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1979, (vắng mặt);
Địa chỉ: Số 73, tổ 3, Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 07/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ Đ trình bày:***

Vào ngày 15/6/2020, bà Trần Thị M có tổ chức làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi gồm 20 phần, chị tham gia 02 phần. Hình thức chơi hụi là đến ngày khui hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hụi, còn hụi viên nào hốt hụi rồi thì mỗi tháng phải đóng hụi chết là 1.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt được hụi thì phải trả tiền huê hồng cho bà M là 500.000 đồng.

Trong dây hụi này, chị đã đóng cho bà M 13 kỳ hụi sống, đến kỳ thụi thứ 14 thì bà M ngưng không khui hụi nữa. Như vậy, bà M còn nợ chị số tiền hụi là 13 kỳ x 02 phần x 1.000.000 đồng = 26.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 1.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 15/9/2021, bà M có hỏi mượn của chị 10.000.000 đồng đến nay bà M cũng không trả cho chị.

Việc chị tham gia chơi hụi và đã góp hụi đầy đủ cho bà M nhưng sau đó bà M tự ngưng hụi và không trả tiền hụi và tiền mượn cho chị đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Nay chị yêu cầu bà M phải trả cho chị số tiền nợ hụi là 26.000.000 đồng và số tiền mượn là 10.000.000 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03/01/2023, chị Đ có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mượn là 10.000.000 đồng. Nay chị Đ chỉ yêu cầu bà Trần Thị M trả số tiền hụi là 25.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ cung cấp các giấy xác nhận của các hụi viên gồm: Chị Võ Thị Từ, chị Trần Thị Thanh Thúy, chị Võ Thị Phượng.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng bà M vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đ tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ Đ về việc yêu cầu bà Trần Thị M trả số tiền 10.000.000 đồng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Đ yêu cầu bị đơn bà Trần Thị M trả số tiền hụi là 25.000.000 đồng, bà Đ có địa chỉ tại

Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc tham gia góp hụi giữa chị Đ với bà M có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi chị Đ là hụi viên tham gia chơi hụi do bà M làm chủ hụi. Chị Đ đã góp các phần hụi đầy đủ nhưng bà M tự ngưng không khui hụi. Tại các giấy xác nhận của những hụi viên cùng tham gia hợp đồng góp hụi với bà M gồm: Chị Võ Thị T, sinh năm 1972; Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1986 và bà Võ Thị P, sinh năm 1969. Cùng địa chỉ tại Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đều xác nhận việc chị Đ tham gia dây hụi khui ngày 15/6/2020 do bà M làm đầu thảo, dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi gồm 20 phần, chị Đ tham gia 02 phần và là hụi viên còn sống (chưa hốt hụi). Dây hụi này đã khui được 13 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 14 thì bà M tự ngưng hụi. Như vậy, các xác nhận trên đều phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian diễn ra các dây hụi, kỳ mở hụi, số tiền mỗi phần hụi, số các hụi viên tham gia, các phần hụi mà nguyên đơn tham gia. Đến thời điểm bà M ngưng hụi thì chị Đ vẫn là hụi viên chưa hốt hụi và đã thực hiện việc đóng các kỳ hụi cho bà M. Từ đó, cho thấy bà M đã đơn phương chấm dứt hợp đồng góp hụi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện. Trong giao dịch góp hụi nói trên, chị Đ là hụi viên đã thực hiện góp hụi theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Vì vậy, chị Đ yêu cầu bà M hoàn trả lại số tiền đã góp hụi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà M hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà M không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn

không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, buộc bà M phải trả cho chị Đ số tiền hụi là 25.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ Đ về việc yêu cầu bà Trần Thị M trả số tiền 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ Đ.

Buộc bà Trần Thị M phải trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ Đ số tiền 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Mỹ Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị M phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ Đ số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016704 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh